

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 29/2021/HNGĐ-ST

Ngày 25/10/2021

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Kim Thương;

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Hữu Quý;  
2. Ông Nguyễn Ngọc Lương.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Long - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thanh Hoàng- Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 20/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2021, về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mai P; địa chỉ: Thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Trị; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Minh T; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Trị. Địa chỉ hiện nay: Hiện đang xuất khẩu lao động tại Nhật Bản; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện ngày 28/5/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mai P trình bày:

Chị Nguyễn Thị Mai P và anh Nguyễn Minh T đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Quảng Trị. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ anh T tại thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Trị. Đến tháng 11 năm 2019, anh T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, từ đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể khắc phục được, vợ chồng không liên lạc với nhau nên chị P không biết địa chỉ cụ thể của anh T tại Nhật Bản. Nay chị P thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T chung sống có 02 con chung, cháu Nguyễn Tường N sinh ngày 19/6/2011 và Nguyễn Bảo N sinh ngày 24/10/2018, chị P đi dạy học ở huyện Đakrông nên các cháu ở với ông bà nội. Do anh T không biết khi nào về nên chị P có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. *Bị đơn anh Nguyễn Minh T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị P.*

Tại Biên bản xác minh ngày 22/7/2021, ông Nguyễn Minh T (bố của anh Nguyễn Minh T) có ý kiến: Anh T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản từ tháng 11/2019, gia đình ông thường xuyên liên lạc với anh T qua điện thoại hoặc qua mạng xã hội, không biết được địa chỉ cụ thể của anh T, chỉ biết đi lao động tại Nhật Bản. Sau khi nhận Thông báo thụ lý vụ án số 20 ngày 07/7/2021, gia đình đã báo cho anh T biết nội dung và anh T đồng ý ly hôn với chị P. Gia đình không có ý kiến gì với việc chị P yêu cầu ly hôn và cam đoan sẽ nhận các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh T và sẽ thông báo lại nội dung của văn bản cho anh T được biết. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị P và anh T thì gia đình ông T có nguyện vọng nuôi một trong hai cháu Nguyễn hoặc Ngọc.

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị:*

- Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định tại Điều 63; Điều 239-260 và Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được thông báo nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể nơi mình đang làm ăn, sinh sống tại Nhật Bản nên đây là trường hợp cố tình dấu địa chỉ và không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 5, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 71, 72, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

+ Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Mai P được ly hôn anh Nguyễn Minh T.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tường N, sinh ngày 19/6/2011 và cháu Nguyễn Bảo N, sinh ngày 24/10/2018 cho chị Nguyễn Thị Mai P chăm sóc nuôi dưỡng. Anh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

+ Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Mai P yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Minh T khi anh T đang đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Trước và sau khi thụ lý vụ án, chị P và gia đình anh T không cung cấp được địa chỉ của anh T tại Nhật Bản, nhưng phía gia đình của anh T vẫn thường xuyên liên lạc với anh T qua điện thoại hoặc qua mạng xã hội facebook, Zalo, gia đình anh T nhận các Văn bản tố tụng của Tòa án và cam đoan thông báo nội dung cho anh T nhưng anh T không cung cấp địa chỉ, trực tiếp tham gia tố tụng hoặc có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của chị P nên được coi là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc *“Giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ”* để giải quyết vụ án theo thủ tục chung được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mai P, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Mai P và anh Nguyễn Minh T trên cơ sở tự nguyện và được pháp luật công nhận. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với gia đình anh T đến cuối năm 2019 thì anh T xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, từ đó giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nay chị P kiên quyết ly hôn, anh T không liên lạc với chị P để trao đổi, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Thấy rằng, hôn nhân là sự tự nguyện, mâu thuẫn giữa chị P và anh T không thể khắc phục được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P được ly hôn với anh T.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống chị P và anh T có 02 con chung là Nguyễn Tường Ng sinh ngày 19/6/2011 và Nguyễn Bảo N sinh ngày 24/10/2018, do chị P công tác xa nhà nên các cháu ở với ông bà nội. Xét nguyện vọng nuôi con của chị P thấy rằng, mặc dù các cháu đang ở với ông bà nội và cháu N có nguyện vọng được tiếp tục ở với ông bà nhưng việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn là nghĩa vụ của cha, mẹ; hiện nay anh T đi xuất khẩu lao động chưa về nên giao cháu N và cháu N cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 469, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mai P được ly hôn anh Nguyễn Minh T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tường N sinh ngày 19/6/2011 và Nguyễn Bảo N sinh ngày 24/10/2018 cho chị Nguyễn Thị Mai P trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Minh T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mai P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 000851 ngày 07 tháng 7 năm 2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị Nguyễn Thị Mai P đã nộp đủ án phí.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh QTrị;
- Cục THADS tỉnh QTrị;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV, Tổ HCTP;
- UBND xã Gio Mỹ, Gio Linh;
- Lưu hồ sơ, VP Tòa DS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

( Đã ký)

**Đoàn Thị Kim Thương**